

Bản án số: 99/2021/HS-ST
Ngày 31/12/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN TỈNH BẮC GIANG

**** Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Ong Thân Thắng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lãnh Văn Việt.

Ông Trần Đăng Thanh.

** Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Vũ Hữu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Khắc Tú- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2021/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST -HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên:* **Phạm Văn M, Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh năm 1983 tại Thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi Đăng ký HKTT: Thôn L, xã N, huyện L; Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, Bắc Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Bố đẻ: Phạm Văn H, sinh năm 1952; Mẹ đẻ: Lê Thị N, sinh năm 1958 đều trú tại thôn L, xã N; Vợ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990 trú tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Con: Có 03 (ba) con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019; Anh, chị em ruột: Gia đình có 04 anh em, bị cáo là thứ nhất.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án số 29/2008/HSST ngày 27/6/2008 của Tòa án nhân dân huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt Phạm Văn M 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/3/2008; Buộc M phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đến ngày 31/12/2008 M đã chấp hành xong hình phạt tù và ngày 23/10/2008 M đã chấp hành xong phần án phí. Tính đến thời điểm phạm tội mới, M đã được xóa án tích.

+ Tại Bản án số 27/2011/HSST ngày 16/5/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt Phạm Văn M 16 (mười sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án; Buộc M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đến ngày 08/01/2013 M đã chấp

hành xong hình phạt tù về địa phương và ngày 05/7/2011 M đã chấp hành xong phần án phí. Tính đến thời điểm phạm tội mới, M đã được xóa án tích.

- Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 18/3/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Anh Nguyễn Đình T, sinh năm: 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1968. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Đăng B, sinh năm: 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng số: 83/CT-VKS-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2018, anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1992, trú tại Thôn H, xã N, huyện L, có vay của Phạm Văn M, sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã N, huyện L số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó không có khả năng trả số tiền vay, nên anh T bỏ đi làm ăn xa, thay đổi số liên lạc, cắt đứt liên lạc với M do khi đó M liên tục đòi nợ. Không liên lạc được với anh T, M đã nhiều lần đến nhà anh T đòi nợ nhưng đều không gặp được anh T.

Đến ngày 20/01/2021 anh T có về nhà để cùng gia đình giải quyết một số việc, thì có 01 (một) chiếc xe ô tô bán tải màu sơn trắng đi đến. Sau đó có khoảng 04 (bốn) người đàn ông từ trên xe xuống có hỏi: “Mày có phải T không?”, khi T trả lời là: “Phải” thì bị những người đàn ông trên lao vào đánh, đập. Sau đó anh T vùng dậy bỏ chạy thoát được thì những người trên bỏ đi.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/01/2021 khi anh T cùng gia đình đang ở nhà tại Thôn H, xã N, huyện L, đang trao đổi, làm thủ tục bán đất để lấy tiền trả nợ. Lúc này Phạm Văn M một mình điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, màu sơn trắng, biển kiểm soát: 98A-256.90 đi qua nhà anh T, thấy có xe ô tô đỗ trước cửa nên M dừng xe ô tô, đi vào trong nhà tìm gặp anh T để đòi nợ. Khi đó có bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968, trú tại Thôn H, xã N, huyện L là mẹ đẻ của anh T; Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1983, trú tại Thôn H, xã N, huyện L; Anh Đặng Bá Đ, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã N, huyện L; Anh Lê Công Định, sinh năm 1979, trú tại Thôn H, xã N, huyện L; Anh Vũ Văn Việt, sinh năm 1987, anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981 đều trú tại thôn B, xã N, huyện L, đang làm thủ tục mua, bán đất. Do mọi người đều đeo khẩu trang nên M đi vào hỏi: “Thằng nào là thằng T”, nghe vậy thì anh T đang ngồi dưới nền nhà đứng lên và đáp: “Em đây”. M nói tiếp: “Mày bỏ khẩu trang ra xem nào”. Khi anh T bỏ khẩu trang ra để M nhìn mặt và xác nhận

đúng là anh T, lập tức M tiến tới, dùng tay túm cổ áo anh T và đẩy, ấn anh T vào tường, tát khoảng 02 (hai) đến 03 (ba) cái vào vùng mặt của anh T, rồi dùng chân đạp, đá vào người anh T, vừa đánh vừa nói: “Mày trốn tao hơi lâu rồi đấy, số tiền mày nợ tao thì như thế nào” và ép buộc anh T phải trả tiền cho M. Những người có mặt tại nhà anh T chứng kiến sự việc, đều không ai dám vào can ngăn. Thấy vậy anh T và mọi người trong gia đình anh T sợ hãi, hứa hẹn với M là ngay sau khi bán đất xong, có tiền sẽ mang tiền đến nhà M trả nợ nhưng M không đồng ý và ép buộc anh T và gia đình phải trả nợ ngay. Sau đó M ngồi tại nhà anh T để chờ gia đình anh T làm thủ tục bán đất, lấy tiền trả cho M.

Lúc này anh T có nói với gia đình là nợ của M tổng số tiền cả gốc lẫn lãi là 25.000.000 đồng. Ngoài ra M có gọi điện thoại cho Nguyễn Đăng B, sinh năm 1989, trú tại thôn K, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội (thường gọi là Biên Cọp), sau đó đưa điện thoại cho anh T và gia đình nói chuyện, xác nhận anh T còn nợ 25.000.000 đồng của Nguyễn Đăng B (Biên Cọp), anh T xác định người này là Dũng, chủ hiệu cầm đồ cho vay F88, do trước đây anh T có mua xe máy của Dũng nhưng chưa trả tiền, nhờ M cầm số tiền về trả cho Dũng. Được sự ủy quyền của gia đình anh T, anh Nguyễn Đình T là anh của T đã lấy ra số tiền 50.000.000 đồng từ số tiền bán đất và đưa cho M. Sau khi lấy được tiền thì M bỏ về, khi ra đến xe ô tô M đã dùng số tài khoản 106867939999, mở tại ngân hàng Viettinbank, mang tên Phạm Văn M và chuyển số tiền 25.000.000 đồng vào số tài khoản 15110000397137 của Nguyễn Đăng B (Biên Cọp), kèm theo nội dung: “Pham Van M chuyen tien em Bien”. (BL: 188-224, 474-480, 492-511, 621-634).

Ngày 17/3/2021 Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang tiếp nhận đơn trình báo của công dân giấu tên tại Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Ngày 18/3/2021 anh Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị T (mẹ anh T) đã có đơn trình báo sự việc nêu trên gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. (BL: 474-480).

Ngày 18/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Văn M, đồng thời thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đều đã qua sử dụng. Cùng ngày 18/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện của Phạm Văn M, kết quả: Thu giữ tại ngăn kéo bàn trang điểm trong phòng ngủ của Phạm Văn M số tiền 19.000.000 đồng; 01 (một) Giấy chuyển nhượng đất giữa Phạm Văn M với anh Trần Thế V đề ngày 25/7/2019; 01 (một) Quyết định thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 81/2016/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn đề ngày 12/5/2016; 01 (một) Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Văn M; 01 (một) Sổ hộ khẩu số 040308382 của hộ Phạm Văn M; 02 (hai) bản sao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM.017011; 02 (hai) bản sao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số

CM.017012; 01 (một) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83/HĐTC-2019 của Quỹ tín dụng nhân dân Nghĩa Hồ, đề ngày 30/01/2019; 01 (một) bản khai tài sản thế chấp, cầm cố của Phạm Văn M với quỹ tín dụng nhân dân Nghĩa Hồ và Ủy ban nhân dân xã Nam Dương; 01 (một) Giấy đề nghị vay vốn của Phạm Văn M; 01 (một) Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 07/10/2019; 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20D8007788; 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X117097; 01 (một) bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân số 121589020; 01 (một) bản sao sổ hộ khẩu của gia đình Phạm M H; 01 (một) bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân của Phạm M H; 01 (một) Đơn tố cáo của Nguyễn Văn Vượng, đề năm 2019; Thu giữ tại giường ngủ của Phạm Văn M: 01 (một) cọc tiền gồm 10 (mười) tệp tiền mệnh giá 50.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, không kiểm đếm số lượng; Thu giữ trong xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS 98A-256.90 của Phạm Văn M: 01 (một) Giấy nhận tiền của Diệp Thị T, đề ngày 11/6/2020; 01 (một) bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Trắng Văn T; Thu giữ trong tủ màu xanh, gần trước cửa nhà vệ sinh của gia đình Phạm Văn M: 02 (hai) Mẫu giấy vay tiền; Thu giữ của gia đình M: 01 (một) đầu thu camera, màu đen, nhãn hiệu HIK VISION, kèm theo dây nguồn. (BL: 50-51, 69-104).

Cùng ngày, chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã N, huyện L là vợ của Phạm Văn M đã tự nguyện giao nộp: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, màu sơn: Trắng, BKS 98A-256.90, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, kèm theo chìa khóa xe; Thu giữ tại cốp xe ô tô trên: 02 (hai) gậy bóng chày; 01 (một) chiếc xẻng; 01 (một) gậy gôn. Thu giữ tại hàng ghế sau trên xe ô tô: 01 (một) gậy gôn. (BL: 105).

Ngày 20/5/2021 chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện giao nộp: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký của chiếc xe, 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định của chiếc xe ô tô BKS 98A-256.90; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô. (BL: 111).

Ngày 14/6/2021 chị Nguyễn Thị Thanh H đã tự nguyện giao nộp: 02 (hai) túi đựng có ký hiệu “My clear” và “My clear Bag”, bên trong chứa 23 (hai mươi ba) và 13 (mười ba) mẫu giấy vay tiền, dạng đánh máy tính, chưa qua sử dụng. (BL: 151-187).

Ngày 26/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành cho anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Đình T và người bị hại Nguyễn Đình T xác định hiện trường nơi xảy ra sự việc, quá trình xác định hiện trường không thu giữ đồ vật, tài liệu gì. (BL: 526 - 533).

Ngày 18/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn tiến hành cho người bị hại Nguyễn Đình T, người làm chứng anh Nguyễn Văn Q nhận dạng qua bản ảnh, kết quả đều nhận dạng đúng và xác định Phạm Văn M là người đã đến nhà T ngày 30/01/2021 chửi mắng, đánh T, đe dọa và buộc T phải trả tiền cho M. (BL: 481-488).

Ngày 02/4/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn có Công văn về việc đề nghị cung cấp thông tin của tài khoản 106867939999 của chủ tài khoản mang tên PHAM VAN M. Tại Công văn phúc đáp số 116/CV-CN BG-TH ngày 08/4/2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank) Chi nhánh Bắc Giang xác định: Tài khoản số 106867939999, chủ tài khoản mang tên: Phạm Văn M, sinh ngày 26/6/1983, địa chỉ liên hệ: L, N, L, Bắc Giang, số CMND 121528356, số điện thoại liên hệ 0972559170, số dư tài khoản hồi 15 giờ 19 phút ngày 08/4/2021 là: 67.114.332 đồng; Kèm theo là sao kê chi tiết tài khoản từ ngày 26/3/2019 đến ngày 07/4/2021. Tiến hành kiểm tra phát hiện: Hồi 10 giờ 42 phút 23 giây ngày 30/01/2021 có 01 (một) giao dịch chuyển số tiền 25.000.000 đồng từ tài khoản của M đến số tài khoản 15110000397137, kèm theo nội dung: “Pham Van Mchuyen tien e bien”. (BL: 188-224).

Đến ngày 02/8/2021 chị Nguyễn Thị Thanh H đã tự nguyện giao nộp ảnh chụp của Nguyễn Đăng B (Biên Cọp) và xác định đây là bạn của M, thường xuyên đến M chơi. Tiến hành làm việc với Nguyễn Đăng B có lý lịch nêu trên xác định khoảng tháng 01/2021, B có bán cho T 01 (một) chiếc xe mô tô với giá 25.000.000 đồng nhưng chưa lấy tiền. Ngày 30/01/2021 B có nhờ M lấy hộ số tiền này từ chỗ T và đã được M chuyển khoản, B đã nhận đủ số tiền 25.000.000 đồng từ tài khoản của Phạm Văn M chuyển đến. (BL: 621-634).

Ngày 18/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành kiểm tra nội dung bên trong 02 (hai) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 và Nokia, đều có vỏ màu đen đã thu giữ được của Phạm Văn M, kết quả không phát hiện nội dung gì liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và cưỡng đoạt tài sản. (BL: 133).

Ngày 02/4/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn có Công văn về việc đề nghị cung cấp thông tin của tài khoản 2504205408470 của chủ tài khoản mang tên PHAM VAN M. Tại Sổ phụ in ngày 12/04/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) Chi nhánh huyện Lục Ngạn – Bắc Giang II xác định: Tài khoản số 2504205408470, chủ tài khoản mang tên: Phạm Văn M, địa chỉ: L, N, L, Bắc Giang; Kèm theo là sao kê chi tiết tài khoản từ ngày 06/01/2014 đến ngày 12/04/2021. Tiến hành kiểm tra không phát hiện giao dịch có liên quan tới vụ việc. (BL: 225-248).

Ngày 08/4/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định trưng cầu giám định trích xuất, khôi phục dữ liệu có trong đầu thu camera, màu đen, nhãn hiệu HIK VISION thu giữ của gia đình Phạm Văn M. Tại bản Kết luận giám định số 2755 ngày 31/5/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: Trích xuất, khôi phục được 48 (bốn mươi tám) tập tin video ghi hình tại phòng khách nơi có bộ bàn ghế. Chi tiết có trong thẻ nhớ MICROSD kèm theo Kết luận giám định. Ngày 11/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiến hành mở niêm phong, mở 48 (bốn mươi tám) tập tin nêu trên và xác

định nội dung bên trong, mô tả thành văn bản, kết quả không phát hiện nội dung gì có liên quan đến vụ việc cưỡng đoạt tài sản. (BL: 138-146).

** Về vật chứng của vụ án:*

Ngày 20/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, màu sơn: Trắng, BKS 98A-256.90; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký của chiếc xe ô tô, 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định của chiếc xe ô tô BKS 98A-256.90; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô; 01 (một) Sổ hộ khẩu số 040308382 của hộ Phạm Văn M. (BL: 126-127).

Đối với số vật chứng còn lại, bao gồm:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đều đã qua sử dụng; Tổng số tiền 119.000.000 đồng (trong đó 69.000.000 đồng thu giữ trong quá trình khám xét và 50.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện nộp); 01 (một) đầu thu camera, màu đen, nhãn hiệu HIK VISION, kèm theo dây nguồn; 02 (hai) gậy bóng chày; 01 (một) chiếc xăng; 02 (hai) gậy gôn được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn để xử lý theo quy định.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Ngày 18/5/2021 chị Nguyễn Thị Thanh H là vợ của Phạm Văn M đã nộp số tiền 50.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn để đảm bảo cho việc khắc phục hậu quả và thi hành án. (BL: 116).

Sau khi sự việc xảy ra, anh T có đến nhà M và được chị Hiếu trả lại số tiền 25.000.000 đồng để anh T tự trả nợ cho Nguyễn Đăng B. Anh T đã nhận lại số tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì. (BL: 492-511).

* Tại bản Cáo trạng số: 83/CT-VKS-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Phạm Văn M về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 170- Bộ luật hình sự.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Bị cáo Phạm Văn M khai nhận Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn T đúng người, đúng tội, đúng hành vi bị cáo đã thực hiện. Cụ thể: Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 30/01/2021 bị cáo lái xe ô tô CX5 đi qua gia đình anh Nguyễn Đình T, thì thấy có đông người ở nhà. Bị cáo nghĩ anh T có nhà nên đã vào hỏi xem thế nào. Khi vào nhà gặp được anh T, do bức xúc việc anh T bỏ trốn không liên lạc lại còn nhắn tin chửi bị cáo trên mạng xã hội nên bị cáo đã chửi, đánh tát anh T mấy cái trước mặt người nhà anh T, khách mua đất. Sau đó thì mọi người hỏi lý do sự việc, bị cáo đã ngồi nói chuyện với bà Nguyễn Thị T là mẹ anh T về nội dung sự việc, lý do đánh anh T. Bị cáo và mọi người ngồi nói chuyện khoảng 20-30 phút thì bị cáo hỏi anh T về số tiền nợ bao giờ trả. Anh T có nói để bán đất xong ngày mai mang tiền đến nhà trả nhưng bị cáo không chấp nhận, yêu cầu trả ngay vì gia đình bán đất có tiền. Thấy vậy anh T đã trả cho bị cáo số tiền nợ là 25.000.000 đồng. Ngoài ra anh T còn nhờ bị cáo nhận hộ số tiền 25.000.000 đồng để trả cho anh Nguyễn Đăng B (thường gọi là Biên Cọp). Quá trình điều tra bị cáo không bị đánh đập ép cung nhục

hình gì, lời khai hoàn T tự nguyện. Ngoài ra bị cáo không có hành vi phạm tội nào khác. Số tiền 25 triệu đồng vợ bị cáo đưa cho anh T là do bị cáo nhấn ra nhờ vợ bị cáo đưa trả cho anh T khắc phục hậu quả. Nay anh T không yêu cầu bồi thường nữa thì bị cáo nhất trí. Số tiền 25 triệu đồng anh T nhờ trả cho anh B thì bị cáo đã chuyển khoản cho anh B ngay lúc đó. Hiện nay bị cáo và anh B không có tranh chấp gì về số tiền này nên không yêu cầu giải quyết. Các tài liệu, đồ vật, tài sản của bị cáo bị thu giữ không liên quan đến hành vi phạm tội đề nghị trả cho bị cáo sử dụng. Một số tài sản, tài liệu vợ bị cáo đã nhận lại thì bị cáo không có ý kiến gì. Các tài liệu cơ quan điều tra thu giữ tại nhà bị cáo đã được đánh dấu bút lục lưu hồ sơ vụ án thì bị cáo xác định không cần sử dụng nên đề nghị không phải trả lại.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Số tiền 25 triệu đồng trả cho anh T do bị cáo nhấn ra để khắc phục hậu quả nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Số tiền 50 triệu đồng gia đình đã nộp để khắc phục hậu quả và số tiền 69 triệu đồng của gia đình bị thu giữ không liên quan hành vi phạm tội thì xin trả lại cho gia đình. Cơ quan điều tra đã trả xe ô tô và giấy tờ, sổ hộ khẩu cho gia đình nên không có ý kiến thắc mắc gì.

- Anh Nguyễn Đăng B trình bày: anh T có mua xe máy và nợ số tiền 25 triệu đồng. Ngày 30/01/2021 khi M gặp anh T đòi tiền thì có gọi điện để anh T nói chuyện với tôi xác định số nợ. Sau đó anh T nhờ anh M cầm trả cho tôi số tiền 25 triệu đồng. Một lúc sau thì anh M đã chuyển khoản ngân hàng cho tôi số tiền 25 triệu đồng. Từ đó đến nay anh T không trả cho tôi số tiền nợ 25 triệu đồng nào nữa. Vì vậy số tiền 25 triệu đồng này giữa tôi với anh T, anh M không còn nợ gì nhau nữa.

* Những người tham gia tố tụng vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai, đơn đề nghị của họ tại quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử, Cụ thể:

- Anh Nguyễn Đình T trình bày: Năm 2018 tôi có vay tiền 15 triệu đồng của bị cáo M nhưng sau đó đã bỏ đi làm ăn xa, mất điện thoại nên không liên lạc với bị cáo M để trả tiền được. Ngày 30/01/2021 khi đang ở nhà thì bị cáo M đến có đánh, tát và chửi do tôi trốn M đã lâu và nhấn tin chửi M qua Zalo. Tôi đã giải thích với M về việc đi làm ăn xa, bị mất điện thoại, người nhấn tin chửi M không phải là tôi. Sau đó chúng tôi ngồi nói chuyện khoảng 30 phút thì M có hỏi tôi về số tiền vay M trước đó. Tôi có hẹn M bán đất xong hôm sau mang tiền đến nhà để trả nhưng M không đồng ý và quát mắng bắt phải trả ngay. Sau khi gia đình làm xong thủ tục bán đất đã trả cho M 25 triệu đồng cả gốc và lãi. Ngoài ra còn gửi M 25 triệu đồng là tiền nợ anh Dũng làm ở F88 là bạn M, nhờ M đem về trả giúp. Việc tôi trả tiền là do M quát mắng, bắt phải trả ngay, trước đó tôi bị M đánh nên cũng sợ nếu không làm theo yêu cầu thì sẽ tiếp tục bị M đánh. Ngoài ra số tiền này cũng là tiền tôi vay M trước đó. Sau khi sự việc xảy ra, tôi đã gặp vợ của M và được bồi thường số tiền 25 triệu đồng. Nay tôi không có yêu cầu hay đề nghị M phải bồi thường thêm cho tôi. Tôi xin được vắng mặt tại phiên tòa và ủy quyền cho mẹ là Nguyễn Thị T nhận các quyết định, bản án liên quan đến vụ án này.

- Bà Nguyễn Thị T trình bày: Khoảng năm 2018 con trai tôi là anh Nguyễn Đình T có vay tiền của bị cáo M, số tiền vay bao nhiêu thì tôi không biết. Sau đó anh T có đi khỏi địa phương, đi làm ăn xa nhà. M có đến nhà nhiều lần để đòi nợ T nhưng T đều không có nhà. Đến cuối tháng 01/2021 khi gia đình làm thủ tục bán đất để trả nợ cho T thì M đi một mình vào nhà hỏi T. Sau đó M tiến tới dùng tay tóm cổ

áo T, tát khoảng 2-3 cái vào vùng mặt, dùng chân đá vào người T, vừa đánh M vừa nói “sao mày nhả tin chửi tao”, “mày trón tao hơi lâu rồi đấy”. Bản thân tôi và những người có mặt không ai can ngăn gì vì chưa hiểu rõ sự việc anh T nhả tin chửi M như thế nào, M đánh anh T nhẹ và sự việc xảy ra cũng nhanh. Sau đó chúng tôi ngồi nói chuyện bình thường, anh T có giải thích với M về việc bỏ đi làm ăn xa, cắt liên lạc với M và người nhả tin chửi M không phải là anh T. Khoảng 30 phút sau M có hỏi T về khoản nợ vay thì như thế nào. Anh T có trả lời hôm nay gia đình bán đất và ngày mai sẽ mang tiền đến nhà trả nhưng M không đồng ý và nói “không được, phải trả luôn hôm nay” và M ngồi đợi lấy tiền. Khi gia đình bán đất xong thì anh T trả cho M số tiền 25 triệu đồng và gửi M trả giúp cho anh Dũng 25 triệu đồng. Khi đòi tiền thì M không đánh anh T nữa, M chỉ đánh lúc đến nhà vì anh T trón cắt liên lạc với M và nhả tin chửi M. Chúng tôi ngồi nói chuyện 20-30 phút thì M mới hỏi đến khoản tiền mà anh T nợ M. Anh T không bị thương tích gì. Sau khi xảy ra sự việc anh T đã được gia đình M bồi thường số tiền 25 triệu đồng. Số tiền bán đất trả nợ cho anh T gia đình không có yêu cầu gì đối với số tiền này, cũng không yêu cầu anh T phải trả lại số tiền này. Gia đình cũng không yêu cầu M phải bồi thường. Sự việc xảy ra cũng do lỗi của anh T, đề nghị cơ quan nhà nước xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho M.

- Anh Nguyễn Đình T trình bày: Khoảng 9 giờ ngày 30/01/2021 được bà Nguyễn Thị T gọi vào nhà để chứng kiến việc mua bán đất. Trong khi gia đình đang làm thủ tục thì có M đi một mình vào nhà hỏi T. Khi gặp T thì M có chỉ tay về phía T và nói “sao mày phải trón tao”. Sau đó tiến tới dùng tay túm cổ áo đẩy anh T vào sát tường, dùng tay tát vài nhát vào mặt và nói “sao mày nhả tin chửi tao”. Sau đó buông anh T ra và ngồi nói chuyện bình thường. Khoảng 30 phút sau thì M có hỏi anh T “thế số tiền mày nợ tao thì thế nào”. Anh T có trả lời hôm nay gia đình bán đất, mai sẽ mang tiền sang trả nhưng M không đồng ý, M nói “không được, hôm nay tao đến đây thì mày phải trả ngay”. Sau đó bà Tâm đã trả cho M 25 triệu đồng và nhờ M trả nợ hộ một người nữa 25 triệu đồng. Khi đòi nợ thì M không đánh anh T nữa. M chỉ đánh anh T khi vừa mới đến vì việc anh T nhả tin chửi M và trón M từ lâu. Khi đánh anh T thì M chưa nhắc đến việc đòi nợ. Ngoài anh T lúc đầu bị M đánh thì không có ai bị đánh đập gì.

* Bị cáo không có ý kiến gì về quan điểm của những người này.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm do hành vi của bị cáo Phạm Văn M gây ra đã đề nghị Hội đồng xét xử(sau đây viết tắt là HĐXX):

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn M phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

-Áp dụng khoản 1, Điều 170; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38- Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/3/2021. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

-Về trách nhiệm dân sự:xác định bị cáo đã bồi thường xong cho anh Nguyễn Đình T số tiền 25.000.000 đồng nên không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:Căn cứ khoản 2, Điều 47-Bộ luật hình sự; khoản 3, Điều 106-Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý như sau:

+ Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, màu sơn: Trắng, BKS 98A-256.90; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký của chiếc xe ô tô, 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định của chiếc xe ô tô BKS 98A-256.90; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô; 01 (một) Sổ hộ khẩu số 040308382 của hộ Phạm Văn M. (BL: 126-127) xác định không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 20/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H, do vậy đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Đối với số vật chứng còn lại, bao gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đều đã qua sử dụng; 01 (một) đầu thu camera, màu đen, nhãn hiệu HIK VISION, kèm theo dây nguồn; 02 (hai) gậy bóng chày; 01 (một) chiếc xẻng; 02 (hai) gậy gôn xác định không liên quan đến hành vi phạm tội đề nghị HĐXX trả lại cho bị cáo.

+ Đối với số tiền 119.000.000 đồng (trong đó 69.000.000 đồng thu giữ trong quá trình khám xét và 50.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện nộp) nay xác định bị cáo đã bồi thường dân sự xong, bị hại không có yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX xử lý như sau: Trả lại cho chị Hiếu số tiền 50 triệu đồng; trả lại bị cáo số tiền 69 triệu đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với các tài liệu thu giữ tại nhà bị cáo đã đánh số bút lục từ 71-103 lưu hồ sơ vụ án do bị cáo không có yêu cầu trả lại nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với số tiền 25 triệu đồng anh T nhờ bị cáo trả anh B các bên không có yêu cầu gì, không có tranh chấp nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: áp dụng Điều 135, Điều 136-Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Phần tranh luận tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Văn M đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt vì có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 cùng 1 tình tiết giảm nhẹ “mẹ đẻ có huy chương vì sự nghiệp giáo dục” quy định tại Điều 51-Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đăng B không có quan điểm tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

* Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là có sự cân nhắc T diện, có căn cứ để giáo dục, phòng ngừa chung.

* Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì khác.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn M và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo Phạm Văn M đã trình bày nội dung lời khai là hoàn T tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 292, Điều 293-Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về những chứng cứ xác định bị cáo Phạm Văn M có tội và áp dụng pháp luật hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy:

[3.1]. Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ khẳng định: Năm 2018, anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1992, trú tại Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang có vay của bị cáo Phạm Văn M số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó không có khả năng trả số tiền vay, nên anh T bỏ đi làm ăn xa, thay đổi số điện thoại, cắt đứt liên lạc với M do khi đó M liên tục đòi nợ. Không liên lạc được với anh T, bị cáo M đã nhiều lần đến nhà anh T đòi nợ nhưng đều không gặp được anh T. Ngoài ra bị cáo còn bức xúc khi cho rằng anh T đã nhắn tin chửi bị cáo trên mạng xã hội. Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 30/01/2021 bị cáo Phạm Văn M lái xe ô tô CX5 đi qua gia đình anh Nguyễn Đình T thì thấy có đông người ở nhà. Bị cáo nghĩ anh T có nhà nên đã vào hỏi xem thế nào. Khi vào nhà gặp được anh T, do bức xúc việc anh T vay tiền không trả nợ lại còn bỏ trốn, chửi bị cáo trên mạng xã hội nên bị cáo đã đánh, tát anh T mấy cái trước mặt người nhà anh T, khách mua đất. Sau đó thì mọi người hỏi lý do sự việc, bị cáo đã ngồi nói chuyện với bà Nguyễn Thị T là mẹ anh T về nội dung sự việc, lý do đánh anh T. Bị cáo và mọi người ngồi nói chuyện khoảng 20-30 phút thì bị cáo hỏi anh T về số tiền nợ bao giờ trả. Anh T có nói để bán đất xong ngày mai mang tiền đến nhà trả nhưng bị cáo không chấp nhận, yêu cầu phải trả ngay vì gia đình bán đất có tiền. Thấy thái độ của bị cáo và sợ không trả nợ sẽ bị đánh nên anh T đã trả cho bị cáo số tiền nợ cả gốc và lãi là 25.000.000 đồng. Ngoài ra anh T còn nhờ bị cáo M nhận hộ số tiền 25.000.000 đồng để trả cho anh Nguyễn Đăng B (tức Biên cạp). Như vậy hành vi đánh anh T khi mới đến nhà của bị cáo M là do bức xúc việc anh T trốn tránh không chịu trả nợ, nghi ngờ anh T chửi bị cáo trên mạng xã hội. Sau khi đánh sự việc đã được chấm dứt, các bên ngồi nói chuyện bình thường khoảng 20-30 phút thì mới có chuyện bị cáo đòi nợ và yêu cầu anh T phải trả luôn số tiền 25 triệu đồng. Hành vi, lời nói của bị cáo Phạm Văn M khi đòi nợ đã thể hiện thái độ đe dọa sẽ dùng vũ lực, uy hiếp

tinh thần buột cạnh Nguyễn Đình T phải miễn cưỡng đưa số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) cho bị cáo.

[3.2]. Từ những nội dung trên, HĐXX thấy hành vi của bị cáo Phạm Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1, Điều 170-Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: 83/CT-VKS-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn truy tố bị cáo Phạm Văn M về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 170- Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4]. Xét tính chất của vụ án, HĐXX thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân. Bị cáo là người có nhân thân xấu nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật nên cần phải ra một bản án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về căn cứ quyết định hình phạt, HĐXX thấy:

[5.1]. Bị cáo là người có nhân thân xấu, từ năm 2008 đến năm 2011 bị cáo đã bị Tòa án xét xử, kết án 2 lần nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân lại tiếp tục có hành vi phạm tội do cố ý.

[5.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, Điều 52- Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, đã tác động gia đình “bồi thường dân sự” cho bị hại, mẹ đẻ bị cáo là bà Lê Thị Nga được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng thưởng “Huy chương vì sự nghiệp giáo dục” nên được cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51- Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5.4]. Quan điểm của bị cáo về việc xem xét mức hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt bị truy tố, xét xử là không có căn cứ chấp nhận do bị cáo là người có nhân thân xấu như quan điểm đối đáp của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5.5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6]. Về trách nhiệm dân sự, HĐXX thấy: Bị hại là Nguyễn Đình T trình bày đã nhận số tiền 25 triệu đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường nữa. Vì vậy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết bồi thường dân sự nữa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[7]. Về vật chứng của vụ án, HĐXX thấy: Căn cứ khoản 2, Điều 47-Bộ luật hình sự; khoản 3, Điều 106-Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý như sau:

[7.1]. Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, màu sơn: Trắng, BKS 98A-256.90; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký của chiếc xe ô tô, 01 (một) Giấy

chứng nhận kiểm định của chiếc xe ô tô BKS 98A-256.90; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô; 01 (một) Sổ hộ khẩu số 040308382 của hộ Phạm Văn M. (BL: 126-127) xác định không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 20/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H, do vậy đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

[7.2]. Đối với số vật chứng còn lại, bao gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đều đã qua sử dụng; 01 (một) đầu thu camera, màu đen, nhãn hiệu HIK VISION, kèm theo dây nguồn; 02 (hai) gậy bóng chày; 01 (một) chiếc xẻng; 02 (hai) gậy gôn xác định không liên quan đến hành vi phạm tội đề nghị HĐXX trả lại cho bị cáo.

[7.3]. Đối với số tiền 119.000.000 đồng (trong đó 69.000.000 đồng thu giữ trong quá trình khám xét và 50.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện nộp) nay xác định bị cáo đã bồi thường dân sự xong, bị hại không có yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX xử lý như sau: Trả lại cho chị Hiếu số tiền 50 triệu đồng; trả lại bị cáo số tiền 69 triệu đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8]. Về các vấn đề khác, HĐXX thấy:

[8.1]. Đối với sự việc xảy ra vào ngày 20/01/2021 anh Nguyễn Đình T bị một nhóm thanh niên đánh, hiện nay không đủ căn cứ xác định lý lịch của những người này, không có căn cứ xác định đây là nhóm người do M chỉ đạo, tổ chức đến đánh T nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[8.2]. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiếp nhận nhiều đơn trình báo về việc M cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. (BL: 249-473). Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[8.3]. Trong các ngày 13/6/2021, 01/7/2021, 01/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành làm việc với những người có tên trên giấy tờ đã thu giữ tại nơi ở của Phạm Văn M, kết quả không xác định tình tiết nào có liên quan đến vụ việc cưỡng đoạt tài sản. (BL: 679-703). Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết trách nhiệm của bị cáo về việc này.

[8.4]. Đối với số tiền 25 triệu đồng anh T nhờ bị cáo trả anh B các bên không có yêu cầu gì, không có tranh chấp nên không đặt ra giải quyết.

[8.5]. Về số tiền vay nợ 15 triệu đồng giữa bị cáo và anh T là giao dịch dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp thì các bên giải quyết bằng vụ án khác theo tố tụng dân sự.

[8.6]. Đối với tài liệu thu giữ gồm: 01 (một) Giấy chuyển nhượng đất giữa Phạm Văn M với anh Trần Thế V đề ngày 25/7/2019; 01 (một) Quyết định thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 81/2016/QĐST-HNGĐ của Tòa án

nhân dân huyện Lục Ngạn đề ngày 12/5/2016; 01 (một) Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Văn M; 01 (một) Sổ hộ khẩu số 040308382 của hộ Phạm Văn M; 02 (hai) bản sao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM.017011; 02 (hai) bản sao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM.017012; 01 (một) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83/HĐTC-2019 của Quỹ tín dụng nhân dân Nghĩa Hồ, đề ngày 30/01/2019; 01 (một) bản khai tài sản thế chấp, cầm cố của Phạm Văn M với quỹ tín dụng nhân dân Nghĩa Hồ và Ủy ban nhân dân xã Nam Dương; 01 (một) Giấy đề nghị vay vốn của Phạm Văn M; 01 (một) Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 07/10/2019; 01(một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20D8007788; 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X117097; 01 (một) bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân số 121589020; 01 (một) bản sao sổ hộ khẩu của gia đình Phạm M H; 01 (một) bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân của Phạm M H; 01 (một) Đơn tố cáo của Nguyễn Văn Vượng, đề năm 2019; 01 (một) Giấy nhận tiền của Diệp Thị T, đề ngày 11/6/2020; 01 (một) bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Trắng Văn T; 02 (hai) Mẫu giấy vay tiền(thu giữ trong tủ màu xanh, gần trước cửa nhà vệ sinh của gia đình Phạm Văn M) được đánh số Bút lục từ 71-103, do bị cáo Phạm Văn M không có yêu cầu được trả lại nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8.7]. Về số tiền bà Nguyễn Thị T bán đất trả nợ thay cho anh Nguyễn Đình T do bà Tâm không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9]. Về án phí: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136-Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, HĐXX thấy có căn cứ cần chấp nhận.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 -Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 1, Điều 170; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 -Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn M 01 năm 02 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/3/2021. Phạt bổ sung bằng tiền 10 triệu đồng đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: xác định bị cáo Phạm Văn M đã bồi thường xong cho bị hại là anh Nguyễn Đình T số tiền 25 triệu đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, Điều 47-Bộ luật hình sự; khoản 3, Điều 106-Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn M:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đều đã qua sử dụng; 01 (một) đầu thu camera, màu đen, nhãn hiệu HIK VISION, kèm theo dây nguồn; 02 (hai) gậy bóng chày; 01 (một) chiếc xăng; 02 (hai) gậy gôn.

+ Số tiền 69 triệu đồng (trong tổng số tiền 119 triệu đồng) đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền 50 triệu đồng (trong tổng số tiền 119 triệu đồng) đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136-Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333- Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Công an, VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ong Thân Thắng

